

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng
Đài hoá thân hoàn vũ - Phúc Lạc Viên tại phường Quảng Thành và
phường Quảng Đông, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
của Tổng Công ty cổ phần Hợp Lực**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định 2401/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án: Đầu tư xây dựng Phúc Lạc Viên tại nghĩa trang Chợ Nhàn phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hoá của Tổng Công ty Cổ phần Hợp Lực;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 về chấp thuận chủ trương dự án Mở rộng Đài hoá thân hoàn vũ - Phúc Lạc Viên tại phường Quảng Thành và phường Quảng Đông, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá; Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 06/08/2021 về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Mở rộng Đài hoá thân hoàn vũ - Phúc Lạc Viên tại phường Quảng Thành và phường Quảng Đông, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Mở rộng Đài hoá thân hoàn vũ - Phúc Lạc Viên tại phường Quảng Thành và phường Quảng Đông, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá của Tổng Công ty cổ phần Hợp Lực tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 19/10/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 498/CV-CTHL ngày 20/12/2021 của Tổng công ty cổ phần Hợp Lực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1362/Tr-STNMT ngày 31/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng Đài hoá thân hoàn vũ - Phúc Lạc Viên tại phường Quảng Thành và phường Quảng Đông thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (sau đây gọi là dự án) của Tổng Công ty cổ phần Hợp Lực (sau đây gọi là chủ dự án), với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Phúc Lạc Viên tại nghĩa trang Chợ Nhàng phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hoá của Tổng Công ty Cổ phần Hợp Lực.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Hợp Lực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Mở rộng Đài hoá thân hoàn vũ - Phúc Lạc Viên tại phường Quảng
Thành và phường Quảng Đông, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
của Tổng Công ty cổ phần Hợp Lực

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Mở rộng Đài hoá thân hoàn vũ - Phúc Lạc Viên tại phường Quảng Thành và phường Quảng Đông, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Chủ đầu tư:

- Tên chủ dự án: Tổng Công ty Cổ phần Hợp Lực.
- Đại diện chủ dự án: Ông Nguyễn Văn Đệ.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Phương tiện liên lạc: 02.373.758.768
- Địa chỉ trụ sở: Số 595 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

1.3.1. Phạm vi của dự án: Dự án có tổng diện tích 18,48ha, trong đó diện tích 4,0ha đã được giao đất thực hiện dự án (đã đầu tư xây dựng đi vào hoạt động từ năm 2015); phần mở rộng diện tích 14,48ha, thuộc địa giới hành chính của phường Quảng Thành và phường Quảng Đông, TP. Thanh Hoá.

1.3.2. Quy mô hoạt động:

- Công suất cát táng: khoảng 20.000 mộ phần;
- Công suất hỏa táng: 06 lò hỏa táng, thời gian hỏa táng: 60 phút/ca. Công suất vận hành đạt được mong muốn khoảng 72 ca/ngày;
- Công suất lưu tro cốt: 3.500 ô lưu trữ tro cốt.

1.4. Quy mô sử dụng đất của các hạng mục, công trình:

Theo tổng mặt bằng quy hoạch của dự án: Khu điều hành nghĩa trang có diện tích 18.335,94 m², gồm các công trình đã xây dựng như: Đài hoá thân hoàn vũ, nhà điều hành, nhà trình thần linh, 01 nhà lưu tro cốt, nhà sinh hoạt chung, nhà để xe, nhà vệ sinh công cộng, bãi đỗ xe, sân đường nội bộ và cây xanh cảnh quan; khu dịch vụ nghĩa trang có diện tích 14.138,16 m²; khu cát táng có diện tích 100.388,96 m²; đất cây xanh cách ly có diện tích 51.980,52 m²).

2. Các tác động môi trường chính của dự án (giai đoạn vận hành)

2.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động do bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn như: Hoạt động hỏa táng, hoạt động của thiết bị đốt CTR y tế, hoạt động của các phương tiện ra vào

dự án, hoạt động của máy phát điện, mùi từ khu vực nhà bếp và khu nhà vệ sinh, hoạt động tang lễ và hoạt động xây dựng mộ cát táng.

- Tác động do nước thải: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên, người thân thăm viếng; nước mưa chảy tràn, nước từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt CTR y tế.

- Tác động do chất thải rắn: Chất thải rắn từ hoạt động hỏa táng, hoạt động tang lễ, hoạt động sinh hoạt, hoạt động của lò đốt CTR y tế, hoạt động thi công xây dựng mộ cát táng, bùn thải từ các khu xử lý nước thải.

- Tác động từ chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố môi trường.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên và thân nhân người mất trong dự án là 11,2 m³/ngày đêm (trong đó nước thải nhà ăn 2,43m³/ngày đêm, nước thải nhà vệ sinh 5,1m³/ngày đêm và nước thải rửa chân tay 3,67m³/ngày đêm). Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P), Coliforms, E.coli.

- Nước mưa chảy tràn: các khu vực khác chứa cặn bẩn, cặn lơ lửng.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt CTR y tế phát sinh khoảng 1,0m³ từ quá trình xử lý khí thải bằng nước vôi trong.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải và mùi hôi phát tán vào môi trường xung quanh, bao gồm:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hỏa táng, từ quá trình đốt CTR y tế. Thành phần bao gồm: bụi, mùi hôi, CO, NO_x, SO₂, H₂S, HF,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đốt hương, vàng mã.

- Khí thải, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động giao thông vận chuyển, xây dựng mộ cát táng, máy phát điện. Thành phần bao gồm: bụi, CO, NO₂, NO₂,...

- Mùi từ khu vực nhà bếp và khu nhà vệ sinh.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Tro, xỉ từ lò hỏa táng, lò đốt CTR y tế: Tổng khối lượng tro xỉ và bụi thu được là 188,73 kg. Cặn kết tủa qua xyclon ướt với khối lượng khoảng 0,05 m³ bùn cặn kết tủa/ đợt thu gom thu được trong buồng xử lý thải lò đốt CTR y tế (năm 2 đợt).

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên, người thân khoảng 43,75 kg/ngày. Thành phần bao gồm chất rắn hữu cơ, củ quả, thực phẩm thừa, giấy, vải vụn... và các chất vô cơ như túi nilon, hộp nhựa.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động tang lễ, viếng mộ của thân nhân phát sinh khoảng 3,5 m³/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công xây dựng các khu mộ phát sinh đất đào mộ, vật liệu xây dựng rơi vãi khoảng 7,8 tấn/ đợt.

- Bùn cặn từ các khu xử lý: Khối lượng cặn vớt bể gạn dầu khoảng 0,021 m³ bùn cặn/7 ngày; khối lượng hút cặn bể tự hoại khoảng 5,75m³/lần/năm; khối lượng bùn nạo vét từ hố gas và mương thoát nước nạo vét lên khoảng 1,44 m³ bùn/lần/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh do các quá trình vệ sinh, bảo trì máy móc, bình ác quy của phương tiện máy móc trong quá trình hoạt động, pin, sơn, bóng đèn neon,... Lượng CTNH không đáng kể và không thường xuyên ước tính khoảng 18,0 - 20,0 kg/năm.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu dầu mỡ thải ra từ các phương tiện vận chuyển và thiết bị cơ giới; lượng dầu mỡ thải phát sinh trong mỗi chu kỳ thay dầu và bảo dưỡng máy khoảng 185 lit/lượt thay.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

- Nước rửa chân tay được dẫn qua các hố ga lắng trên tuyến công và rãnh thoát nước theo hệ thống thoát nước mưa. Định kỳ hàng tháng nạo vét hố gas và mương thoát nước.

- Nước thải ăn uống được thu gom và dẫn vào bể gạn dầu đồng thời là bể lắng đang hoạt động thể tích 18m³ và dẫn ra ao sinh học xử lý tùy nghi. Định kỳ hàng tuần vớt cặn bể gạn dầu.

- Nước thải nhà vệ sinh:

+ Tại khu hiện trạng xử lý qua các bể tự hoại đang hoạt động với 01 bể tự hoại tại khu nhà vệ sinh công cộng thể tích 38m³, 01 bể tự hoại tại khu nhà điều hành thể tích bể 21m³ và 01 bể tự hoại tại khu nhà sinh hoạt chung thể tích 21m³, nước thải sau đó được dẫn ra 02 ao sinh học thể tích 4.676,8m³ để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường;

+ Tại khu mở rộng xử lý tại chỗ bằng bể tự hoại cải tiến BASTAF sau đó dẫn qua hệ thống các hố lắng cặn trên hệ thống rãnh thoát nước B500 đến hố lắng chính dung tích 32,83 m³ (4,9 m x 3,35 m x 2,0m) đặt gần khu vực cổng số 4 trước điểm đầu nối xả thải ra môi trường. Định kỳ hàng năm thuê đơn vị hút bể phốt 01 lần.

- Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b. Nước từ quá trình xử lý khí thải lò đốt CTR y tế đang hoạt động:

Nước trong bể sau khi được lắng cặn sẽ bơm tái sử dụng tuần hoàn, định kỳ 07 ngày, nước sẽ được bổ sung lại 01 lần do quá trình bay hơi nước. Định kỳ năm 02 lần sẽ tiến hành nạo vét cặn trong bể.

c. Nước mưa chảy tràn:

- Nước mưa chảy tràn khu hiện trạng từ trên mái đổ xuống và nước chảy tràn trên sân bãi qua cống và hố ga thu nước dẫn về ao sinh học.

- Khu mở rộng xây dựng hệ thống thoát nước mưa gồm rãnh thoát nước mưa B500, B400, ống thoát HDPE D140 và các hố ga thu.

- Định kỳ hàng tháng, nạo vét mương rãnh, sau đó tận dụng để bón cho cây xanh cách ly tại khu vực dự án.

3.2. Về bụi, khí thải:

- Giảm thiểu tác động từ lò hoá táng, lò đốt CTR y tế hiện trạng:

+ Vận hành hệ thống lò hỏa táng, lò đốt CTR y tế đảm bảo đúng quy trình, quy định của nhà sản xuất với quá trình hoá táng được thực hiện theo 02 giai đoạn: giai đoạn đốt sơ cấp (nhiệt độ trung bình khoảng 650°C - 850°C), giai đoạn đốt thứ cấp (nhiệt độ từ 1.000°C - 1.200°C).

+ Định kỳ hàng tháng vệ sinh bảo dưỡng thiết bị để đảm bảo máy hoạt động hiệu quả và giảm thiểu tác động của sự cố nếu xảy ra, tập huấn cán bộ vận hành máy 02 lần/năm.

+ Khí thải lò đốt CTR y tế được xử lý qua buồng xử lý khí thải: Chụp hút, thiết bị lọc bụi kiểu ướt → thiết bị hấp phụ khí độc (Dung dịch nước vôi trong và than hoạt tính) → ống khói. Định kỳ 07 ngày, nước xử lý xyclon ướt trong buồng xử lý khí thải sẽ được bổ sung lại 01 lần do quá trình bay hơi nước. Định kỳ năm 02 lần sẽ tiến hành nạo vét cặn trong bể.

+ Đảm bảo chiều cao ống khói lò hoá táng và lò đốt CTR y tế cao tối thiểu 20m tính từ mặt đất. Thực hiện giám sát môi trường định kỳ khí thải ống khói lò hoá táng và lò đốt CTR đảm bảo theo QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế.

- Giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động tang lễ, thi công huyệt mộ, hoạt động của các phương tiện giao thông:

+ Hạn chế tới mức có thể việc đốt nhang, vàng mã khi mai táng, đặt các đỉnh hoá vàng mã tại khu nghĩa trang để tro bụi không phát tán ra môi trường;

+ Trồng phủ xanh diện tích cây xanh 46.855,08m². Ưu tiên bổ sung trồng các loại cây xanh có tán rộng, mùi thơm, hút được các khí độc như: Hoa long não, khuy nh diệp, hoa sữa, bàng, phượng... để tạo điều kiện vi khí hậu, cải thiện môi trường ở dọc các tuyến đường nội bộ, xung quanh khu vực hồ nước trong nghĩa trang với cách thức trồng xen kẽ 1,5 - 2m/cây;

+ Phun nước giảm bụi trong những ngày khô nóng với tần suất 04 lần/ngày.

- Đối với khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng hiện trạng: máy phát điện được bố trí trong nhà kho riêng và chỉ sử dụng khi mất điện lưới.

- Các biện pháp khác:

+ Thường xuyên kiểm tra, thay thế những nắp cống hỏng, định kỳ tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước.

+ Các phương tiện giao thông đưa tiễn người đã khuất phải tuân thủ đúng quy định của nghĩa trang, đậu vào khu vực để xe dành cho khách;

+ Tưới nước giảm bụi trên các lối xe đi lại vào mùa nắng để giảm bụi bốc lên;

+ Các phương tiện như xe máy phải tắt máy, dẫn bộ vào khu vực để giảm lượng khí thải phát sinh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

a. CTR sinh hoạt:

- Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt tại khu vực làm việc, khu vực để xe, khu nhà sinh hoạt chung, các khu vực tiếp nhận khách thăm viếng, khu vực hàng lang cảnh quan: Đối với khu vực hiện trạng sử dụng 30 thùng rác các loại, 05 xe đẩy dung tích 1,0m³/thùng; đối với khu vực mở rộng bố trí 20 thùng rác các loại, 02 xe đẩy rác dung tích 1,0m³/thùng.

- Rác thải được thu gom đưa về khu vực chứa rác hiện trạng có diện tích 500m² và khu vực chứa rác tại khu vực mở rộng có diện tích 38,44 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom với tần suất 01 ngày/lần.

b. CTR phát sinh từ hoạt động mai táng:

- Tro, xỉ từ quá trình đốt của lò hỏa táng và lò đốt CTR y tế được thu gom hàng ngày và đựng trong thùng tạm riêng biệt, đánh dấu nhãn, đựng trong 04 thùng đựng tro xỉ dung tích 1,0m³ hiện có đặt trong khu nhà kho trong khu nhà hỏa táng, sau đó tận dụng làm vật liệu san lấp.

- Chất thải rắn là hương, giấy vàng mã,... được đốt trong đỉnh hoá vàng mã đặt trong khu nghĩa trang, tro được thu gom vào thùng chứa rác, có dán nhãn riêng và đem đi xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt hoặc chôn tại khu vực cây xanh của dự án làm mùn cho cây.

- Rác thải từ chăm sóc mộ, viếng người thân được thu gom vào các thùng rác dọc hành lang cây xanh cảnh quan và đem đi xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt

- Các loại nguyên, vật liệu rơi vãi từ quá trình xây dựng huyệt mộ được tận dụng làm vật liệu san nền.

- Tro (cốt) sau quá trình hỏa táng được bỏ vào bình trong nhà lưu tro cốt hoặc được giao lại cho thân nhân người mất để cát táng tại chỗ trong khu cát táng của dự án hoặc đem chôn tại các nghĩa trang khác.

- CTR trong quá trình thi công xây dựng mộ được thu gom thành đồng, che chắn bằng bạt để hạn chế tác động do mưa chảy tràn, sau đó tận dụng làm vật liệu đắp nền đường phân lô mộ hoặc vận chuyển làm vật liệu san lấp các công trình khác. Những vật liệu không tận dụng làm vật liệu san lấp nền như sắt thép, bìa được thu gom bán phế liệu.

c. Bùn cặn thải từ hệ thống xử lý chất thải:

- Đối với bùn cặn từ các bể tự hoại để xử lý hiệu quả và giảm chi phí nhân công, sẽ dùng các chế phẩm vi sinh như DW 97, DW 98 để phân hủy triệt để, định kỳ hàng năm thuê đơn vị hút xử lý.

- Đối với bùn cặn từ bể tách dầu mỡ định kỳ hàng tuần vớt cặn 1,0 lần, cặn vớt được thu gom xử lý cùng CTR sinh hoạt.

- Đối với bùn cặn nạo vét hố gas, rãnh thoát nước được định kỳ hàng tháng nạo vét sau đó tận dụng để bón cho cây trồng trong khu vực dự án.

- Cặn vôi từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt CTR có khối lượng ít được thu gom định kỳ 2,0 lần/năm, sau đó đem chôn trong các khu mộ chôn của dự án.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại có nguồn gốc từ sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên như: Pin, acquy, sơn, bóng đèn neon... được thu gom bỏ vào 02 thùng phuy có nắp đậy dung tích thùng 500 lít/thùng, có nhãn dán và mã số chất thải. Đối với các bình acquy cũ sẽ được tập trung lại và theo định kỳ nhà cung cấp sẽ thu gom và xử lý theo quy định.

- Dầu nhớt thải được sử dụng để bôi trơn bánh xích của xe máy cơ giới và các thiết bị khác, phần còn lại thu gom vào 01 thùng phuy chứa dung tích 500 lít/thùng có nắp đậy đặt tại khu nhà kho bố trí trong khu nhà hoả táng sau đó thuê đơn vị có chức năng cùng với các CTNH khác để đem đi vận chuyển và xử lý.

- Đối với các ca mai táng có nguy cơ lây nhiễm cao (ca mai táng do dịch bệnh Covid-19) hoặc thi thể thối rữa, yêu cầu các cán bộ vận hành phải trang phục bảo hộ lao động tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Bộ Y tế, cách ly những người không phận sự trong ca mai táng. Quá trình mai táng các bệnh nhân mắc Covid-19 phải được thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ y tế tại Quyết định số 2233/QĐ-BCĐQG ngày 29/5/2020 của Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch Covid-19. Kết thúc quá trình mai táng, phun khử khuẩn toàn bộ khu vực, những trang phục bảo hộ liên quan sẽ được thiêu đốt luôn trong khu lò hoả táng.

4. Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Công trình bảo vệ môi trường
I	Công trình xử lý bụi/khí thải
1	06 lò hoả táng vận hành khép kín kèm 06 ống khói cao 20 m vận hành đúng quy trình
2	01 thiết bị lò đốt CTR ST-30 kèm tháp hấp phụ xử lý khí thải và ống khói cao tối thiểu 20m
3	Cây xanh cách ly và cây xanh cảnh quan
II	Công trình xử lý nước thải
1	02 ao sinh học thể tích 4.676,8m ³
2	Tuyến thoát nước khu hiện trạng dài 783,19m, bố trí 26 hố ga thu nước, hố lắng chính thể tích 75,29 m ³ .
3	01 bể tự hoại tại khu nhà vệ sinh công cộng thể tích 38m ³ ; bể tự hoại tại khu nhà điều hành thể tích 21m ³ ; 01 bể tự hoại tại khu nhà sinh hoạt chung thể tích 21m ³ ;
4	01 bể gạn dầu 18m ³ đồng thời là bể lắng
5	Xây mới hệ thống thoát nước B500, B400, ống thoát HDPE D140 tổng chiều dài 4.504 m và hố gas thu thăm kết hợp 151 hố trong khu mở rộng
6	Xây mới 01 bể lắng chính khu mở rộng thể tích 32,83 m ³

7	Xây mới 02 bể tự hoại cải tiến BASTAF thể tích mỗi bể 4,85 m ³ tại khu mở rộng
III	Công trình/thiết bị lưu giữ CTR
1	Bổ sung mới 03 đỉnh hoá vàng đặt trong khu nghĩa trang
2	Hệ thống các thùng composite dung tích 20 lít, xe đẩy rác 1m ³
3	04 thùng phuy có nắp đậy dung tích 1000 lít đựng tro xỉ
4	03 thùng phuy có nắp đậy dung tích 500lit đựng CTNH
IV	Công trình lưu giữ và xử lý CTR
1	01 khu lưu giữ chất thải rắn 500 m ² hiện trạng
2	01 khu lưu giữ chất thải rắn 38,44 m ² khu mở rộng
3	Lò đốt CTR Y tế ST-30

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giám sát môi trường không khí

- *Thông số giám sát:* Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x, Cd, Pb, Hg, HCl, dioxin/furans

- *Vị trí giám sát, quy chuẩn so sánh:*

+ 01 vị trí tại thân ống khói lò hoá táng (đại diện); *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn lò đốt chất thải rắn y tế;

+ 01 vị trí tại thân ống khói của lò đốt CTR y tế; *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn lò đốt chất thải rắn y tế;

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần; riêng dioxin/furans thực hiện 01 năm/lần.

5.2. Giám sát môi trường nước

- *Thông số giám sát:* pH, BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, Coliform, E.coli.

- *Vị trí giám sát:*

+ 01 vị trí xả ao sinh học khu hiện trạng;

+ 01 vị trí tại điểm đầu nổi thoát nước thải phía Bắc khu mở rộng;

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

5.3. Giám sát chất thải rắn

- *Các vấn đề cần giám sát:*

+ Tổng khối lượng thu gom chất thải rắn;

+ Giám sát việc thu gom xử lý;

- *Tần suất giám sát:* Trong quá trình vận hành

- *Vị trí giám sát:* Khu vực phát sinh tập kết chất thải rắn.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Cam kết bố trí và xây dựng các khu mộ cát táng đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.
- Vận hành đầy đủ, liên tục các công trình xử lý chất thải và thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom và xử lý chất rắn trong suốt quá trình hoạt động.
- Thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch;
- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã đăng ký.
- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.
- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường./.